TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 759/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;
2. Bà Lê Thị Kim Em.

Thư ký Tòa án phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM *tham gia phiên tòa*:

Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 318/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1976; địa chỉ: 115/52/1 Đường L, tổ 19A, khu phố 2, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị Đông P, sinh năm 1981; địa chỉ: 115/52/1 Đường L, tổ 19A, khu phố 2, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh -(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông và bà Lê Thị Đông P qua thời gian tìm hiểu nhau được 01 năm thì cả hai tự nguyên tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01/99, do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/1999).

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà P sống thiếu trách nhiệm với gia đình, hỗn hào với cha mẹ ông. Vợ chồng thường xuyên gây gổ, cải vả nhau và ông đã từng nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2016 nhưng được động viên

phân tích của Tòa án nên ông đã rút đơn ly hôn để về đoàn tụ cùng nhau chăm lo hạnh phúc cho gia đình nhưng sau đó mâu thuẫn không chấm dứt mà ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến việc vợ chồng phải sống ly thân. Ông xác định tình cảm vợ chồng là không còn và không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với bà P.

- Về con chung: có 04 (bốn) con chung, họ tên là Nguyễn Hoàn H, sinh ngày 04/6/1997 (đã trưởng thành), Nguyễn Hoàn D, sinh ngày 22/7/1999 (đã trưởng thành), Nguyễn Hoàng Duy P, sinh ngày 17/10/2004 và Nguyễn Hoàng Duy H, sinh ngày 24/3/2013. Ông yêu cầu được giao con chung là trẻ Nguyễn Hoàn Duy P và Nguyễn Hoàng Duy cho bà P nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/hai trẻ.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Cẩm H có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 14/9/2017 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của bị đơn:

Tại bản tự khai ngày 22/6/2017, bà P trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông H. Bà cảm thấy bản thân mình không có vấn đề gì để dẫn đến ly hôn. Ông H có người phụ nữ khác bên ngoài, nghe lời xúi giục để ly hôn. Bà không muốn ly hôn vì để các con của bà có một gia đình trọn vẹn, yên ổn mà làm ăn.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2017/QĐST-HPT ngày 13/9/2017 nhưng bà P vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48, Điều 204, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211, Điều 220, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập đúng quy định nhưng tại phiên Tòa hôm nay vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông Nguyễn Cẩm H được ly hôn bà Lê Thị Đông P; Về con chung: có 04 (bốn) con chung, họ tên là Nguyễn Hoàn D, sinh ngày 22/7/1999 (đã trưởng thành), Nguyễn Hoàn H, sinh ngày 04/6/1997 (đã trưởng thành), Nguyễn Hoàng Duy P, sinh ngày 17/10/2004 và Nguyễn Hoàng Duy H, sinh ngày 24/3/2013. Xét thấy, trẻ Duy P có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Đông P, trẻ Duy H mới được 05 tuổi nên yêu cầu được giao con chung là trẻ Nguyễn Hoàn Duy P và Nguyễn Hoàng Duy H cho bà P nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/hai trẻ.Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn là Lê Thị Đông P cư ngụ tại 115/52/1 tổ 19A, khu phố 2, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì đây là tranh chấp về "ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về hình thức:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Cẩm H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là bà Lê Thị Đông P mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01/99 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/1999 có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Cẩm H và bà Lê Thị Đông P là vợ chồng hợp pháp.

Theo ông H trình bày thì quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay gây gổ, mục đích hôn nhân không đạt được, đã từng nộp đơn đến Tòa án để giải quyết ly hôn nhưng sau khi được Tòa án động viên, hòa giải đã rút đơn để trở về chung sống nhưng mâu thuẫn vẫn trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được, bà P luôn cho rằng ông có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng đã sống ly thân, khả năng đoàn tụ không có, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống chung cũng không mang

lại hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ chung sống với nhau. Vụ án thụ lý đã lâu, Tòa án đã nhiều lần động viên, phân tích nhưng ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Mặt khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Pđã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

- Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh số 152, quyển số 01/99 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận B cấp ngày 22/9/1999; Giấy khai sinh số 112 quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2000; Giấy khai sinh số 169, quyển số 01/04 do Ủy ban nhân dân phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2004 và Giấy khai sinh số 65, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/3/2013; có đủ cơ sở để khẳng định: ông H và bà P có 04 (bốn) con chung, họ tên Nguyễn Hoàn H, sinh ngày 04/6/1997 (đã trưởng thành), Nguyễn Hoàn D, sinh ngày 22/7/1999 (đã trưởng thành), Nguyễn Hoàng Duy P, sinh ngày 17/10/2004 và Nguyễn Hoàng Duy H, sinh ngày 24/3/2013. Ông yêu cầu được giao con chung là trẻ Duy P và Duy H cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/hai trẻ.

Về yêu cầu này của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cả cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Do con chung là Hoàn H và Hoàn D đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Con chung là trẻ Duy P có nguyện vọng được ở với mẹ là bà P, trẻ Duy P hiện 05 (năm) tuổi, hiện nay cả hai trẻ đang sống ổn định với bà P, nên việc giao con chung là trẻ Duy P và Duy H cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.0000đ (hai triệu đồng)/tháng/hai trẻ của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Xét thấy hiện nay ông H làm nghề lái cẩu nên ông yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng/hai trẻ, tại bản tự

khai ngày 22/6/2017 bà P không đưa ra yêu cầu cấp dưỡng, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông H.

- Về tài sản chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 357, khoản 1 Điều 468

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hình thức: Xử vắng mặt ông Nguyễn Cẩm H và bà Lê Thị Đông P.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Cẩm H ly hôn với bà Lê Thị Đông P.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01/99 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/10/1999)

2.2 Về con chung: có 04 (bốn) con chung, họ tên là Nguyễn Hoàn D, sinh ngày 22/7/1999 (đã trưởng thành), Nguyễn Hoàn H, sinh ngày 04/6/1997 (đã trưởng thành), Nguyễn Hoàng Duy P, sinh ngày 17/10/2004 và Nguyễn Hoàng Duy H, sinh ngày 24/3/2013.

Giao con chung là trẻ Nguyễn Hoàn Duy P, sinh ngày 17/10/2004 và trẻ Nguyễn Hoàn Duy H, sinh ngày 24/3/2003 cho bà Lê Thị Đông P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho cả hai trẻ. Bắt đầu cấp dưỡng ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông H chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành cho theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

Vì lợi ích của con, ông H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: không có.

2.4 Về nợ chung: không có.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Cẩm H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2012/07938 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7. Ông H còn phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Ông H và bà P vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- UBND phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM;
Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Chí Hiếu